

Bản án số: 247/2018/HNGĐ-ST
Ngày 01-11-2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Châu Trung Trực

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi tham gia phiên tòa:
Ông Dương Tấn Viễn – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018, về “tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 354/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Ấp HĐ, xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Anh Huỳnh Thanh H, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Ấp HĐ, xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Huỳnh Ngọc D, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Ấp TH, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Chị Châu Thị R, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Ấp HĐ, xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3. Anh Bùi Văn T, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Ấp LHA, xã LDB, huyện CM, tỉnh An Giang (vắng mặt).

4. Chị Phan Thị S, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Ấp TANB, xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

5. Bà Lâm Kim V, sinh năm 1958; Nơi cư trú: Ấp HĐ, xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

6. Chị Tiêu Hồng T, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Ấp TANB, xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

7. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Ấp HĐ, xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

8. Chị Nguyễn Thúy H; Nơi cư trú: Ấp TANB, xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/01/2018 chị Trần Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Huỳnh Thanh H chung sống với nhau vào năm 1995, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh H không lo làm ăn, không quan tâm vợ con và còn đánh chị, anh chị ly thân đến nay trên một năm. Chị H yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Anh chị có hai người con chung tên Huỳnh Ngọc D và Huỳnh Ngọc A, hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Gồm có một phần đất diện tích ngang 13,5m, dài 20m; ba căn nhà; sáu tủ nhôm lợp kính; một ghe trọng tải 14 tấn, một máy D8; một xe máy hiệu Future; các vật liệu hàng hóa gồm: cây gỗ tràm, hàng tạp hóa, lưới, lú đất tôm, đồ sắt.

Chị H yêu cầu chia đôi các tài sản trên, chị yêu cầu được nhận tài sản, anh H nhận giá trị.

Về nợ chung: Chị H xác định anh chị không nợ ai và không ai nợ lại anh chị.

Theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/3/2018 chị Trần Thị H trình bày:

Chị và anh H có một số khoản nợ sau: Nợ Huỳnh Ngọc D 02 chỉ vàng 24k, Châu Thị R 01 cây vàng 24k, Bùi Văn T 55.000.000 đồng, Trần Chí T 9.200.000 đồng, tiệm lưới MLT 16.531.000 đồng, tiệm lưới HT 7.280.000 đồng, hiệu buôn HP 5.632.000 đồng, HL 3.569.000 đồng, Nguyễn Thị Thanh N 11.128.000 đồng, Huỳnh Văn U 7.675.000 đồng, Lư Ngô K 2.450.000 đồng, Phan Thị S 17.000.000 đồng, Nguyễn Thúy H 6.000.000 đồng, Lâm Kim V 19.000.000 đồng, Tiêu Hồng T 16.000.000 đồng, Nguyễn Văn Đ 19.000.000 đồng.

Tại bản ghi ý kiến ngày 27/4/2018 anh Huỳnh Thanh H trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị H và đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của chị H.

Về tài sản chung: Anh thống nhất lời trình bày của chị H. Tài sản chung của anh chị gồm có: Hai nền nhà và một căn nhà trị giá 300.000.000 đồng; các tài sản khác như: Cây cừ, đồ sắt, đồ điện, ngư lưới cụ trị giá 100.000.000 đồng. Tổng giá trị 400.000.000 đồng.

Về nợ chung: Anh không thống nhất lời trình bày của chị H. Anh xác định nợ chung của anh chị gồm có: Nợ chị Châu Thị R 10 chỉ vàng 24k và nợ hụi ông Nguyễn Văn Đ 19.000.000 đồng. Ngoài hai khoản nợ trên, anh chị không có nợ ai khác.

Tại biên bản hòa giải ngày 27/7/2018 chị Trần Thị H và anh Huỳnh Thanh H thống nhất trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị H chung sống với anh Huỳnh Thanh H vào năm 1993, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị bất đồng quan điểm, không hòa hợp, đã ly thân đến nay trên một năm. Chị H và anh H thống nhất ly hôn.

Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Huỳnh Thanh H xác định có hai người con chung tên Huỳnh Ngọc D và Huỳnh Ngọc A. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H và anh H xác định anh chị có các tài sản như sau: Một căn nhà ngang 7,2m, dài 8,1m; phần đất kích thước ngang 13,5m, dài 20m; 06 tủ nhôm lợp kính; 01 ghe trọng tải 14 tấn; 01 xe máy hiệu Future; cây gỗ tràm, hàng tạp hóa, lú lưới đặt tôm, đồ sắt. Chị H và anh H thống nhất thỏa thuận tổng giá trị tài sản là 295.000.000 đồng và chia đôi số tài sản trên, anh H nhận giá trị 147.500.000 đồng, trừ đi 20.000.000 đồng (tiền trị giá chiếc xe Future), còn lại số tiền anh H được hưởng là 127.500.000 đồng, giao cho chị H nhận hiện vật. Việc phân chia trên do anh chị tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H và anh H xác định anh chị có nợ các khoản sau: Chị Huỳnh Ngọc D 20 chỉ vàng 24k; chị Châu Thị R 10 chỉ vàng 24k; anh Bùi Văn T 55.000.000 đồng; anh Trần Chí T 9.200.000 đồng; chủ tiệm lưới MLT 16.531.000 đồng; chủ tiệm lưới HT 7.280.000 đồng; chủ Hiệu buôn HP 5.632.000 đồng; chủ tiệm LH 3.569.000 đồng; chị Nguyễn Thị Thanh N 11.128.000 đồng; anh Huỳnh Văn U 7.675.000 đồng; chủ tiệm CK 2.450.000 đồng; chị Phan Thị S 43.000.000 đồng; chị Nguyễn Thúy H 6.000.000 đồng; bà Lâm Kim V 32.000.000 đồng; chị Tiêu Hồng T 28.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn Đ 19.000.000 đồng.

Đối với khoản nợ của anh Trần Chí T, chủ hiệu buôn HP, chủ tiệm lưới HT, chủ tiệm LH, chủ tiệm lưới MLT, chị Nguyễn Thị Thanh N, anh Huỳnh Văn U, chủ tiệm CK, Nguyễn Thúy H do những người này không có yêu cầu khởi kiện nên chị H và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với các khoản nợ chị Phan Thị S, bà Lâm Kim V, chị Tiêu Hồng T, anh Nguyễn Văn Đ, chị Châu Thị R, chị Huỳnh Ngọc D và anh Bùi Văn T. Chị H và anh H thống nhất giao chị H trả các khoản nợ trên cho chủ nợ.

Ngoài ra, anh Huỳnh Thanh H có ý kiến trình bày: Do hiện nay công việc của anh làm ăn xa, không đủ điều kiện đi lại tham gia giải quyết vụ án vì vậy anh H yêu cầu được xin từ chối tham gia giải quyết vụ án, từ chối tham gia các buổi hòa giải, làm việc và xét xử tại Tòa án, yêu cầu xét xử vắng mặt anh.

Chị Phan Thị S trình bày: Chị H và anh H có tham gia ba chung hui trong hai dây hui mở ngày 10/6/2016 và ngày 20/01/2017 do chị làm chủ, chị H anh H còn nợ số tiền 38.000.000 đồng. Chị S yêu cầu chị H và anh H cùng có nghĩa vụ trả cho chị số tiền trên. Đến ngày 03/8/2018 chị S có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập nêu trên.

Bà Lâm Kim V trình bày: Chị H và anh H có tham gia ba chung hui trong hai dây hui mở ngày 15/11/2016 và ngày 30/02/2017 do bà làm chủ, chị H anh H còn nợ số tiền 17.000.000 đồng. Bà V yêu cầu chị H và anh H cùng có nghĩa vụ trả cho bà số tiền trên. Đến ngày 13/8/2018 bà V có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập nêu trên.

Chị Tiêu Hồng T trình bày: Chị H và anh H có tham gia hai chung hui trong hai dây hui mở ngày 30/11/2015 và ngày 05/6/2016 do chị làm chủ, chị H anh H còn nợ số tiền 23.000.000 đồng. Chị T yêu cầu chị H và anh H cùng có nghĩa vụ trả cho chị số tiền trên. Đến ngày 13/8/2018 chị T có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập nêu trên.

Anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Chị H và anh H có tham gia một chung hui trong dây hui mở ngày 20/5/2017 do anh làm chủ, chị H anh H còn nợ số tiền 16.000.000 đồng. Anh Đ yêu cầu chị H và anh H cùng có nghĩa vụ trả cho anh số tiền trên. Đến ngày 30/7/2018 anh Đ có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập nêu trên.

Chị Huỳnh Ngọc D trình bày: Ngày 26/11/2016 al, chị H và anh H có mượn chị 02 lượng vàng 24k. Chị yêu cầu chị H và anh H cùng có nghĩa vụ trả cho chị số vàng trên. Đến ngày 02/8/2018 chị D có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập nêu trên.

Chị Châu Thị R trình bày: Ngày 20/02/2017 al, chị H và anh H có mượn chị 01 lượng vàng 24k. Chị yêu cầu chị H và anh H cùng có nghĩa vụ trả cho chị số vàng trên. Đến ngày 07/8/2018 chị R có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập nêu trên.

Anh Bùi Văn T trình bày: Trước đây, chị H và anh H có mua cây tầm vong của anh nhiều lần và còn nợ số tiền 55.166.000 đồng. Anh yêu cầu chị H và anh H cùng có nghĩa vụ trả số tiền trên. Đến ngày 17/9/2018 anh T có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập nêu trên.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự nên không có kiến nghị gì và đề nghị Hội đồng xét xử: Không công nhận mối quan hệ giữa chị H và anh H là vợ chồng; Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị S, bà Lâm Kim V, chị Tiêu Hồng T, anh Nguyễn Văn Đ, chị Châu Thị R, chị Huỳnh Ngọc D và anh Bùi Văn T. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị H phải chịu 300.000 đồng (đã nộp xong, chuyển thu). Án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả cho chị H, chị S, bà V, chị T, anh Đ, chị R, chị D và anh T tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Huỳnh Thanh H, bà Lâm Kim V, chị Tiêu Hồng T, anh Nguyễn Văn Đ, chị Huỳnh Ngọc D, chị Châu Thị R, anh Bùi Văn T và chị Phan Thị S có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Nguyễn Thúy đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H, bà V, chị T, anh Đ, chị D, chị R, anh T và chị S là phù hợp.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Đối với anh Trần Chí T sau khi Tòa án xác minh được biết ấp NP, xã TP, huyện CN, tỉnh Cà Mau không có đương sự nào tên Trần Chí T và Tòa án đã làm việc với chị H, chị xác định hai bên chỉ giao dịch bằng điện thoại, không gặp trực tiếp nên không xác định hiện tại anh T đang ở đâu. Tòa án tiến hành lấy lời khai chủ hiệu buôn HP, chủ tiệm LH, chủ tiệm lưới MLT, chủ tiệm lưới HT, Nguyễn Thị Thanh N, Huỳnh Văn U và chủ tiệm CK nhưng những người này xác định không yêu cầu đối với số nợ chị H và anh H còn nợ nên Tòa án không đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trường hợp sau này các đương sự phát sinh tranh chấp được quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị H chung sống với anh H vào năm 1993 trên tinh thần tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh H.

[4] Về con chung: Chị H và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Chị H và anh H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[6] Về nợ chung:

Đối với khoản nợ chị Nguyễn Thúy H: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị H nhưng chị vẫn vắng mặt, không có văn bản yêu cầu Tòa án giải quyết và chị H anh H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp. Trường hợp sau này các đương sự phát sinh tranh chấp được quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với các khoản nợ chị Phan Thị S, bà Lâm Kim V, chị Tiêu Hồng T, anh Nguyễn Văn Đ, chị Châu Thị R, chị Huỳnh Ngọc D và anh Bùi Văn T: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự trên có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập. Xét thấy việc rút đơn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Theo Điều 217, Điều 218 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu của chị Phan Thị S, bà Lâm Kim V, chị Tiêu Hồng T, anh Nguyễn Văn Đ, chị Châu Thị R, chị Huỳnh Ngọc D và anh Bùi Văn T.

[7] Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị H không phải chịu. Hoàn trả cho chị S, chị T, anh Đ, chị R, chị D và anh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị H và anh Huỳnh Thanh H là vợ chồng.

2. Về nợ chung: Đình chỉ đối với yêu cầu của chị Phan Thị S, bà Lâm Kim V, chị Tiêu Hồng T, anh Nguyễn Văn Đ, chị Châu Thị R, chị Huỳnh Ngọc D và anh Bùi Văn T.

3. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), ngày 28 tháng 02 năm 2018 chị H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009586 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được chuyển thu.

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị H không phải chịu, chị H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 4.050.000 đồng và 1.625.000 đồng tại các biên lai thu số 0009587 ngày 28/02/2018 và 0009664 ngày 20/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được nhận lại.

Hoàn trả chị Phan Thị S 950.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009824 ngày 13/4/2018, chị Tiêu Hồng T 575.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009847 ngày 26/4/2018, chị Châu Thị R 925.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009841 ngày 23/4/2018, chị Huỳnh Ngọc D 905.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009782 ngày 24/4/2018, anh Nguyễn Văn Đ 400.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009789 ngày 24/4/2018, anh Bùi Văn T 1.379.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009790 ngày 24/4/2018, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Chị Trần Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Huỳnh Thanh H, chị Phan Thị S, bà Lâm Kim V, chị Tiêu Hồng T, anh Nguyễn Văn Đ, chị Châu Thị R, chị Huỳnh Ngọc D, anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thúy H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng